TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1297 /2025/DS-PT.
Ngày: 24/9/2025.
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

2. Bà Lê Thị Anh Minh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số : 698/DSPT ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ"; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4288/2025/QĐPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14503/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số G đường Đ, Phường A, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số chứng thực 03.24/ quyển số 01-SCT/BS lập ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại T3 tại

V, Canada): Bà Bùi Trần Nhật V, sinh năm 1992; Bà Lê Thị Minh T1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số B đường U, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH S (Tên cũ: Công ty TNHH S1).

Địa chỉ trụ sở chính: Số F đường P, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 30 tháng 6 năm 2025): Ông Lê Quốc H, sinh năm 1991 và ông Nguyễn Đào Duy N, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Số G đường H, phường T, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Công ty TNHH S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T có người đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Trần Nhật V và bà Lê Thị Minh T1 trình bày:*

Năm 2019, do có nhu cầu sang Canada làm việc nên nguyên đơn tìm kiếm thông tin trên các trên mạng thì thấy Công ty TNHH S2 nay đổi tên thành Công ty TNHH S có đăng tải nội dung giới thiệu Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực di trú tại Mỹ và Việt Nam, Công ty có trụ sở chính đặt tại Hoa Kỳ, cùng với hệ thống văn phòng tư vấn hoạt động song song tại Việt Nam, là đơn vị am hiểu về định cư và di trú Mỹ - Canada; sở hữu đội ngũ luật sư am hiểu kiến thức ngành có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực thường trú, di trú quốc tế, Công ty có chương trình việc làm định cư Canada chuyên biệt phù hợp với nhu cầu định cư của nhiều đối tượng và xử lý 100% hồ sơ thành công trong vòng 06-12 tháng. Tin tưởng vào quy mô và kinh nghiệm hoạt động do Công ty G nên nguyên đơn đã liên hệ với Công ty và được hứa hẹn, cam kết và khẳng định rằng đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định pháp luật để thực hiện hợp đồng, Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực di trú; có đội ngũ Luật sư để tư vấn, hướng dẫn và trực tiếp thực hiện hợp đồng cho nguyên đơn để có thẻ thường trú nhân định cư tại đất nước Canada.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn và Công ty TNHH S2 nay đổi tên thành Công ty TNHH S đã ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ làm việc định

cư Canada số 17102019/HDFST. Theo đó, hợp đồng thể hiện Công ty có trách nhiệm tìm kiếm việc làm và hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc định cư tại Canada và hỗ trợ các khóa học đào tạo tay nghề, đào tạo tiếng Anh cho nguyên 2

đơn. Tổng giá trị hợp đồng theo thỏa thuận là 1.977.100.000 đồng, tương đương 85.000 đô la Mỹ, thanh toán được chia làm 3 đợt: Đợt 1 thanh toán 593.130.000 đồng, tương đương 25.500 đô la Mỹ, ngay khi ký hợp đồng. Đợt 2 thanh toán 790.840.000 đồng, tương đương 34.000 đô la Mỹ, ngay khi nhận được email thông báo từ Bên B về chuẩn bị tổng hợp hồ sơ xin TRV. Đợt 3 thanh toán 593.130.000 đồng, tương đương 25.500 đô la Mỹ, ngay khi nhận được kết quả đậu bài kiểm tra Red Seal.

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2019 và ngày 26 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 59.500 đô la Mỹ. Tuy nhiên, hơn 18 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, nguyên đơn chưa có thẻ thường trú tại Canada như Công ty cam kết, hơn nữa mặc dù trong quá trình liên hệ họ yêu cầu nguyên đơn đi học Tiếng Anh, học làm bánh và cho rằng đây là yêu cầu của luật sư, nhưng thực tế nguyên đơn vẫn chưa biết được luật sư nào tư vấn cho nguyên đơn. Nghi ngờ bị lừa nên nguyên đơn có liên hệ và nhiều lần đến làm việc với Công ty và đề nghị công ty cung cấp toàn bộ hồ sơ chứng minh Công ty được phép ký kết thực hiện hợp đồng tư vấn định cư Canada, nhưng Công ty không cung cấp bất kỳ hồ sơ nào cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã tiến hành tìm hiểu về thông tin và được biết Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty thể hiện họ không có chức năng tư vấn pháp luật, không có luật sư tư vấn di trú, là công ty 100% vốn Việt Nam từ những chủ sở hữu người Việt Nam, hoàn toàn không phải là có trụ sở tại Mỹ như Công ty Q, Công ty cũng không có giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm, giấy phép về việc được đào tạo nghề nghiệp, đào tạo thi Tiếng Anh nhưng họ quảng cáo gian dối để lừa dối khách hàng. Mặc dù chưa được cấp phép bởi Ngân hàng N2, nhưng Công ty lại yêu cầu khách hàng thanh toán bằng ngoại tệ và Công ty không xuất bất kỳ hoá đơn tài chính nào cho nguyên đơn theo đúng quy định pháp luật. Nhận thấy, Công ty L nguyên đơn để ký kết Hợp đồng dịch vụ số 17102019 và chiếm giữ 59.500 đô la Mỹ của nguyên đơn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn, yêu cầu Tòa án như sau:

1. Tuyên bố Hợp đồng dịch vụ Tư vấn hồ sơ làm việc định cư Canada số 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa nguyên đơn và bị đơn vô

hiệu do lừa dối.

2. Buộc bị đơn hoàn trả lại toàn bộ số tiền 59.500 đô la Mỹ được quy đổi thành tiền Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm xét xử.

3. Buộc bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm.

3

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm.

** Bị đơn Công ty TNHH S (Tên cũ: Công ty TNHH S1) có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị Ngọc C1 trình bày:*

- Về quy trình thực hiện người định cư làm việc tại nước ngoài: Tư vấn thủ tục về hồ sơ định cư Canada theo chương trình "Federal Skilled Trades"; Tư vấn việc làm phù hợp với điều kiện nhập cư cho khách hàng; Ký kết Hợp đồng hỗ trợ dịch vụ; Hỗ trợ khóa học đào tạo tay nghề - ngành Thợ làm bánh; Hỗ trợ khóa học đào tạo Tiếng Anh chuẩn điều kiện chương trình yêu cầu; Hỗ trợ thủ tục xin Visa nhập cảnh Canada – để khách hàng tham dự kỳ thi con dấu đỏ (RED SEAL) tiêu chuẩn nghề do Chính phủ Canada chứng nhận, là cách thức/hình thức được đặt ra dựa trên các tiêu chuẩn chung để đánh giá các kỹ năng của người lao động nghề trên lãnh thổ Canada. Con dấu đỏ khi được dán vào giấy chứng nhận ngành nghề từ Tỉnh bang hoặc Liên Bang, chỉ ra rằng người lao động nghề đó có khả năng hành nghề và có kiến thức cần thiết đủ tiêu chuẩn Canada cho ngành nghề đó (hay còn được gọi là "Certificate of Qualification" (CoQ)), đây là điều kiện bắt buộc của Chương trình; Đại diện cho khách hàng liên lạc với các đối tác/Luật sư tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Di trú Canada; Hỗ trợ khách hàng chuẩn bị và nộp hồ sơ cho chính phủ Canada xin thường trú nhân, sau khi đậu kỳ thi tiêu chuẩn nghề con dấu đỏ (RED SEAL).

- Về Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty TNHH S1 (tên mới Công ty TNHH S) và ông Nguyễn Quốc T đã được thực hiện như sau: Chương trình thực hiện theo điều kiện yêu cầu của C Canada (link tham khảo đính kèm): https://www.canada.ca/en/immigration-refugees-citizenship/services/immigrate-canada/express-entry/eligibility/skilledtrades.htmlSau khi được tư vấn về chương

trình làm việc định cư Canada, Công ty và ông Nguyễn Quốc T đã ký kết Hợp đồng số 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019. Ông T đã thanh toán phí dịch vụ với số tiền 1.384.310.000 đồng, số tiền thanh toán được chia làm nhiều đợt, cụ thể: Đợt 1 vào ngày 17 tháng 10 năm 2019 thanh toán số tiền là 593.130.000 đồng, tương đương 25.500 đô la Mỹ, ngay khi ký kết Hợp đồng dịch vụ. Đợt 2 vào ngày 26 tháng 5 năm 2020 thanh toán số tiền là 790.840.000 đồng, tương đương 34.000 đô la Mỹ ngay khi nhận được thông báo để tổng hợp hồ sơ nộp xin TRV. Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thực hiện việc xuất hóa đơn chứng từ thu chi đầy đủ đối với các khoản tiền đã thu từ ông T và thực hiện chế độ báo cáo thuế theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

4

- Về công việc mà Công ty đã làm đối với hồ sơ của ông T như sau: Thực hiện Tư vấn và Quản lý hồ sơ làm việc định cư Canada của ông T; Hỗ trợ ông T thực hiện các thủ tục về hồ sơ làm việc định cư Canada; Tổ chức khóa học Tiếng Anh; Tổ chức khóa đào tạo N1 - Thợ làm bánh; Thực hiện các dịch vụ khác như hỗ trợ đưa đón ông T khi tham dự kỳ thi tay nghề (RED SEAL) tại Canada, hỗ trợ đặt vé máy bay, thuê căn hộ, hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ thủ tục khi nhập cảnh Canada; Hỗ trợ điền đơn và nộp các hồ sơ liên quan đến chương trình định cư Canada FSTP - Federal Skilled T2; Tìm kiếm nhà tuyển dụng và giới thiệu công việc. Kết quả đã đạt được như sau: Chính phủ Canada đã chấp thuận hồ sơ và gửi thông báo mời ông T tham dự kỳ thi tay nghề (R) tại Canada; Công ty đã hỗ trợ ông T xin được Visa nhập cảnh Canada để tham sự kỳ thi tay nghề (RED SEAL), được tổ chức bởi Chính Phủ Canada; Phỏng vấn với chủ doanh nghiệp.

- Về việc tuân thủ quy định Pháp luật Việt Nam: Về ngành nghề kinh doanh. Công ty đã thực hiện việc đăng ký ngành nghề tư vấn quản lý và ngành; giáo dục khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: dạy ngoại ngữ, dạy kèm...). Căn cứ Điều 7 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 quy định về quyền của doanh nghiệp (hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2015): Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm. Như vậy, việc Công ty ký kết hợp đồng với ông T là không trái với các quy định pháp luật hiện hành.

- Về các chế độ báo cáo thuế: Công ty đã tuân thủ các các quy định của pháp luật Việt Nam. Quá trình hoạt động đã thực hiện chế độ báo cáo thuế, xuất hóa đơn doanh thu đầy đủ.

- Về khởi kiện của nguyên đơn:

Yêu cầu tuyên bố hợp đồng và phụ lục hợp đồng vô hiệu do lừa dối: Như các nội dung đã trình bày bên trên, trước khi ông T thực hiện việc ký kết Hợp

các nội dung đã trình bày bên trên, trước khi ông T thực hiện việc ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ làm việc định cư Canada số 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019, Công ty đã thực hiện việc tư vấn rất rõ ràng, minh bạch, đầy đủ các thông tin về điều kiện chương trình theo yêu cầu của chính phủ Canada theo link tham khảo đính kèm được ghi rõ bên trên và nhận được sự đồng ý tự nguyện từ ông T. Việc thanh toán phí dịch vụ ở mỗi đợt theo tiến trình hồ sơ thành công cũng dựa theo thỏa thuận tại điều khoản hợp đồng đã được thống nhất. Khoản phí dịch vụ mà ông T đã thanh toán cho Công ty nhằm để chi trả cho các dịch vụ hỗ trợ thực hiện hồ sơ theo điều kiện yêu cầu từ chương trình như: Đào tạo IELTS, hỗ trợ đào tạo tay Nghề - làm B, thực hiện xin TRV (visa nhập cảnh tạm thời khi thi R)…. Nội dung tại Mục 2 (các công việc đã thực hiện), phí dịch vụ cho Luật sư tư vấn hồ sơ theo quy định của Luật Di trú Canada và các khoản phí khác phục vụ cho mục đích hồ sơ. Việc tư vấn và hỗ trợ thực hiện các điều kiện của chương trình là trách nhiệm của Công ty theo quy định tại điều 5

khoản hợp đồng. Tuy nhiên, việc đạt được kết quả thi Red Seal đủ điều kiện của chương trình là do năng lực thực tế của ông T, Công ty chỉ đóng vai trò tư vấn hỗ trợ các khóa học liên quan. Xét theo điều khoản hợp đồng, Công ty đã thực hiện đúng theo thỏa thuận, quyền và nghĩa vụ, tiến trình công việc đã thực hiện như hai bên đã giao kết. Vì vậy, việc ông T yêu cầu chấm dứt hợp đồng là tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trái quy định trong hợp đồng. Mặc khác, Công ty H1, tư vấn định cư theo các điều kiện của chương trình "Federal Skilled Trades" và hỗ trợ thực hiện dịch vụ theo nội dung hợp đồng đã giao kết, không có dấu hiệu lừa dối. Do vậy, Công ty không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án không chấp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2024.

Tại thời điểm phiên họp hôm nay, bị đơn chưa cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện các công việc hoặc hành vi bị đơn đã thực hiện theo các nội dung thỏa thuận với nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T theo Hợp đồng dịch vụ số 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019 và tài liệu chứng cứ thể hiện các khoản tiền mà bị đơn thực tế đã nhận từ nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T theo Hợp đồng dịch vụ số 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019; Bị đơn cũng chưa cung cấp được tài liệu, thể hiện lý do chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ vì lý do khách quan, bất khả kháng. Bị đơn sẽ cung cấp sau cho Tòa án. Bị đơn xác nhận vào ngày 17 tháng 10 năm 2019 và ngày 26 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn tổng số tiền là 59.500 đô la Mỹ quy đổi ra tiền Việt Nam theo hợp đồng dịch vụ giữa hai bên. Bị đơn đề nghị được tiếp tục hợp đồng

Nam theo hợp đồng dịch vụ giữa hai bên. Bị đơn đề nghị được tiếp tục hợp đồng với nguyên đơn để giải quyết tranh chấp.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn trình bày như sau: Nguyên đơn không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm. Nguyên đơn xác nhận vào thời điểm ký hợp đồng dịch vụ, nguyên đơn không tìm hiểu kỹ thông tin pháp lý của bị đơn mà chỉ xem trên trang web. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nguyên đơn có qua Canada nhưng chỉ là theo diện xin Visa du lịch và nguyên đơn có thi chứng chỉ RED SEAL tại Canada nhưng không đủ điểm đậu, thực tế đến nay nguyên đơn vẫn không có được thẻ thường trú nhân tại Canada như bị đơn đã cam kết. Trước khi khởi kiện tại Tòa án, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với bị đơn để làm việc thương lượng, nhưng bị đơn cố tình trốn tránh. Về số tiền dịch vụ đã thanh toán cho bị đơn, nguyên đơn xác định nguyên đơn thanh toán bằng tiền đô la Mỹ tổng cộng 59.500 đô la Mỹ, hình thức thanh toán là tiền mặt theo

yêu cầu của bị đơn. Do bị đơn yêu cầu nên nguyên đơn phải ra Ngân hàng Q1 để đổi tiền Việt Nam thành tiền Đô la Mỹ. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng vô hiệu. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng dịch vụ và phụ lục hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và do bị lừa dối theo Điều 123, 127 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền đã nhận.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lời trình bày, không giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh) đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T.

Tuyên Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa ông Nguyễn Quốc T và Công ty TNHH S (Tên cũ: Công ty TNHH S1) vô hiệu

Công ty TNHH S (Tên cũ: Công ty TNHH S1) vô hiệu.

Buộc bị đơn Công ty TNHH S (Tên cũ: Công ty TNHH S1) có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quốc T số tiền 1.383.970.000 (một tỷ ba trăm tám mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm.

3. Về án phí: Công ty TNHH S (Tên cũ: Công ty TNHH S1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và 53.519.100 (năm mươi ba triệu năm trăm mười chín ngàn một trăm) đồng.

Ông Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038894 ngày 24 tháng 6 năm 2024 và 28.446.375 (hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn ba

trăm bảy mươi lăm) đồng theo Biên lai thu ký hiệu: BLTU/23P số: 0038903 ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên không cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh), yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định: Ngày 17 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 17102019/HDFST. Theo đó, bị đơn cung cấp cho nguyên đơn dịch vụ tư vấn và hướng dẫn thực hiện hồ sơ làm việc định cư theo chương trình làm việc định cư của Canada. Hợp đồng quy định về phạm vi dịch vụ, nội dung công việc, phí dịch vụ như: Thủ tục về hồ sơ làm việc định cư Canada, tư vấn và tìm kiếm việc làm phù hợp với điều kiện nhập cư, hỗ trợ các khóa học đào tạo tay nghề và Tiếng Anh, thủ tục xin visa nhập cảnh Canada. Phí dịch vụ là 1.977.100.000 đồng tương đương 85.000 đô la Mỹ (USD), nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn 02 đợt tổng số tiền là 59.500 đô la Mỹ (USD), cụ thể: Ngày 17 tháng 10 năm 2019, thanh

toán 25.500 đô la Mỹ (USD), hình thức thanh toán: Tiền mặt (Biên nhận số: 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019); Ngày 26 tháng 5 năm 2020, thanh toán 34.000 đô la Mỹ (USD), hình thức thanh toán: Tiền mặt (Biên nhận số: 26052020/HDFST ngày 26 tháng 5 năm 2020).

[3.2] Bị đơn đã thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm cho nguyên đơn như tư vấn cho người lao động lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng, kỹ năng thi tuyển, tạo việc làm, tìm việc làm trong và ngoài nước theo như quy định tại khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 40 của Luật Việc làm năm 2013; theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị định số: 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số: 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

[3.3] Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H (nay là Sở Tài chính Thành phố H) cấp cho bị đơn, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 10 năm 2022 thể hiện: Bị đơn có đăng ký mã ngành, nghề kinh doanh 7810: Hoạt động của các trung tâm, Đ, việc làm; Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Tư vấn xuất khẩu lao động (trừ cho thuê lại lao động). Như vậy, sau thời điểm ký hợp đồng dịch vụ với nguyên đơn, bị đơn là doanh nghiệp có chức năng hoạt động dịch vụ việc làm. Tuy nhiên, Tại Công văn số: 33293/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ xác định không có dữ liệu về cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của Công ty TNHH S, địa chỉ: Số F đường P, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

9

[3.4] Công văn số: 5151/CCTQ3-KTr2 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục T4, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: "Đối với trường hợp của Ông Nguyễn Quốc T theo Quyết định số 15301/2024/QĐ-CCTLCC ngày 15/08/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1 về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, hiện nay Chi cục T4 đã có Thông báo mời Công ty lên làm việc, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa phản hồi nên Chi cục T4 chưa có đủ cơ sở để cung cấp hồ sơ tài liệu".

[3.5] Như vậy, có cơ sở xác định vào thời điểm bị đơn ký Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10

Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019 với nguyên đơn thì bị đơn chưa thực hiện việc đăng ký mã ngành, nghề kinh doanh 7810, bị đơn chưa có giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 39 của Luật Việc làm năm 2013; Điều 2, Điều 3, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số: 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 10 năm 2018. Do đó, bị đơn chưa đủ điều kiện phù hợp để xác lập giao dịch dân sự là dịch vụ tư vấn việc làm cho nguyên đơn dưới hình thức ký Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019. Nên giao dịch dân sự này vô hiệu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, việc các bên ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thực tế thanh toán bằng ngoại tệ là không phù hợp với quy định tại khoản 13 Điều 1 của Pháp lệnh số: 06/2013/PL-UBTVQH ngày 18 tháng 3 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 22 của Pháp lệnh ngoại hối số: 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13 tháng 12 năm 2015 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số: 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng N2 hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam; Thông tư số: 16/2015/TT-NHNN ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ngân hàng N2 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 32/2013/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2013; Thông tư số: 42/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng N2 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 16/2015/TT-NHNN ngày 19 tháng 10 năm 2015. Giao dịch này vi phạm điều cấm của pháp luật nên vô hiệu theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.6] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tuyên Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa ông Nguyễn Quốc T và Công ty TNHH S (Tên cũ: Công ty TNHH S1) vô hiệu là đúng với quy định của pháp luật. Về lỗi và về hậu quả của giao dịch dân sự vô

hiệu, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015 giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[3.6] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bổ sung tài liệu chứng cứ để chứng minh bị đơn đã trả một khoảng tiền cho nguyên đơn, liên quan

đến chi phí học tiếng Anh, học nghề, làm visa, luật sư…Tuy nhiên, các chứng cứ này lại thể hiện là các chi phí mà bị đơn thanh toán cho Công ty TNHH D và Cộng sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn khẳng định nguyên đơn không biết gì về Công ty TNHH D và Cộng sự, không ký bất kì hợp đồng nào với công ty này. Bị đơn cũng xác nhận sau khi ký hợp đồng với nguyên đơn, bị đơn thuê lại Công ty TNHH D và Cộng sự thực hiện các công việc mà bị đơn ký kết với nguyên đơn thông qua Hợp đồng ủy quyền thụ lý hồ sơ số 36/AANPP ký ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa Công ty TNHH D và Cộng sự và Công ty TNHH S3 Bị đơn cũng thừa nhận việc bị đơn ký hợp đồng với Công ty TNHH D và Cộng sự để thực hiện công việc các công việc mà bị đơn ký với nguyên đơn thì chỉ có bị đơn và Công ty TNHH D và Cộng sự biết, nguyên đơn không biết sự việc này, sau khi Công ty TNHH D và Cộng sự thực hiện công việc có kết quả thì bị đơn sẽ thông báo lại cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc thỏa thuận giữa bị đơn và Công ty TNHH D và Cộng sự là một quan hệ độc lập, không liên quan đến vụ án này, những tài liệu chứng từ bị đơn cung cấp chưa thể hiện rõ các chi phí mà bị đơn đã bỏ ra để thực hiện công việc cho nguyên đơn nên chưa có cơ sở để xem xét buộc nguyên đơn hoàn trả phần nào cho bị đơn. Do đó, cần giành cho bị đơn quyền khởi kiện nguyên đơn bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật trong trường hợp các bên có tranh chấp.

[3.7] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để xem xét.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, do đó giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu tuyên giao dịch dân sự vô hiệu và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên số tiền 1.383.970.000 đồng theo quy định tại khoản 2

Điều theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền án phí phúc thẩm bị đơn phải chịu là 300.000 đồng, được cần trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000423 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, điểm a khoản 1 Điều 117, 122, 123, 131, 407, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án năm 2009;

- Luật Thi hành án năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH S.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T.

Tuyên Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa ông Nguyễn Quốc T và Công ty TNHH S (tên cũ: Công ty TNHH S1) vô hiệu.

Công ty TNHH S (tên cũ: Công ty TNHH S1) có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quốc T số tiền 1.383.970.000 (một tỷ ba trăm tám mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH S phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 53.519.100 (năm mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn một trăm) đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038894 ngày 24 tháng 6 năm 2024 và 28.446.375 (hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038903 ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000423 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 1 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 1 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Nhung

14